

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ M  
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HS-ST;

Ngày: 18/8/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Ngô Hoàng Huy**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Bà Phan Thị Đẹp;**

**Bà Phạm Thị Ngọc Triều.**

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Văn Trọng** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố M.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M tham gia phiên tòa:*** Bà **Ngô Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 47/2020/HS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-HS ngày 16/7/2020 đối với bị cáo:

**Võ Văn T**, sinh năm 1996, Tại: tỉnh Đ. Tên gọi khác: Cu Hen. Nơi cư trú: Tổ 16, ấp A, xã H, thành phố B, tỉnh B; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn A và bà Lê Thị Thu P; bị cáo có 01 con 03 tuổi; tiền án: không; tiền sự: 02 lần: Ngày 19/8/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 12, thành phố H áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng theo Quyết định số 337/QĐ-TA; ngày 14/5/2019 bị Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn 03 tháng theo Quyết định số 119/QĐ-UBND; Bị cáo bắt tạm giam ngày 27/9/2019 (Có mặt).

\* Người giám hộ cho bị cáo: Bà **Lê Thị Thu P**, sinh năm 1968 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp A, xã H, thành phố B, tỉnh B.

\* Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Nguyễn Trần H** - Công ty Luật TNHH MTV Lâm Trí Việt - Chi nhánh T (có mặt).

✚ Người bị hại: **Phan Văn T**, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 11C/10 đường T, khu phố 8, phường 8, thành phố M, tỉnh T.

✚ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

– **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 21, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh B.

– **Bùi Thị Ngọc T**, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 10/15 ấp 6, xã Đ, huyện H, thành phố H.

✚ Người làm chứng:

– **Nguyễn Thị Hồng V**, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 203/3 đường T, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/5/2019, Võ Văn T đi bộ đến tiệm sửa xe “T” địa chỉ số 11C/10, đường T, Khu phố 8, Phường 8, thành phố M, tỉnh T do anh Phan Văn T, sinh năm 1975 làm chủ, kêu bán 01 điện thoại di động SamSung J1 màu trắng bị bể màn hình nhưng anh T không mua và chỉ T qua cửa hàng điện thoại phía đối diện để bán. T đi qua cửa hàng điện thoại “Hữu Nhân” gặp chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1979, ngụ số 203/3, đường T, ấp M, xã M, thành phố M kêu bán chiếc điện thoại nêu trên, chị V cũng không mua. Do đó, T đi bộ quay lại ngồi hút thuốc trên vỉa hè trước tiệm sửa xe của anh T, T điện thoại cho Nguyễn Tấn P bạn của T (không rõ địa chỉ cụ thể) kêu P rước nhưng P nói không có xe rước nên T nói “Nếu không rước tao đi cướp”. Lúc này, T nhìn thấy trong tiệm sửa xe của anh T có 01 chiếc xe hiệu Wave màu đỏ, trên xe có gắn chìa khóa sẵn nên T đi vào trong tiệm, vừa nói “cho mượn”, vừa leo lên xe, mở công tắc, nổ máy xe và dùng chân lùi xe xuống đường. Thấy vậy, anh T chạy vào nhà cầm ống tuýp sắt đánh T 01 cái nhưng không trúng, T liền lấy 01 con dao, cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi bằng kim loại (loại dao thái lan) trong túi xách màu đen, đâm trúng vào ngực trái của anh T gây thương tích. Sau đó, T điều khiển xe vừa cướp được chạy về nhà ở thành phố B, tỉnh B ngủ, đến sáng ngày 22/5/2019 T kiểm tra bên trong cốp xe có giấy chứng nhận đăng ký xe, giấy phép lái xe và giấy chứng minh nhân dân mang tên Phan Văn T; T đem xe và giấy đăng ký xe bán cho ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1954, ngụ số 21, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh B giá 2.500.000 đồng, sau đó ông P đưa

xe lại cho chị Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 1992, ngụ số 10/15, ấp 6, xã Đ, huyện H, thành phố H sử dụng và chị T trả lại cho ông P số tiền 2.500.000 đồng. Số tiền có được, T sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 27/9/2019, T đến Công an thành phố M đầu thú.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số 63B9-229.42 và 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe do Phan Văn T đứng tên (Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Phan Văn T).

- 01 túi xách da có quay đeo bằng vải màu đen có chữ HERMESPARIS của T, bên trong có con dao thái lan T sử dụng đâm anh T (Cơ quan điều tra đã chuyển đến Chi Cục thi hành án dân sự thành phố M chờ xử lý).

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 2677 ngày 28/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố M kết luận: Xe mô tô biển số 63B9-229.42 trị giá 3.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 51/QĐ-VKS ngày 28/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố M đã truy tố bị cáo Võ Văn T về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Tòa án xử phạt bị cáo T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, và đề nghị xử lý vật chứng theo qui định.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, đồng thời nêu lên nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận về hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/5/2019, tại tiệm sửa xe “T” địa chỉ số 11C/10, đường T, khu phố 8, phường 8, thành phố M, tỉnh T bị cáo Võ Văn T đã dùng vũ lực để chiếm đoạt 01 xe mô tô biển số 63B9-229.42 của bị hại là anh Phan Văn T, nên bị cáo đã phạm vào tội “Cướp tài sản”, bị cáo T đã dùng dao đâm anh T để thực hiện tội phạm nên đã phạm vào tình tiết định khung “Sử dụng vũ khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, tạo tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi của bị cáo gây ra mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm.

[3] Tuy nhiên, Tòa xét thấy sau khi thực hiện tội phạm bị cáo T ra đầu thú, bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã động viên gia đình khắc phục hậu quả nên Tòa án có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Tòa án xem xét áp dụng Điều 54 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập cộng đồng.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại xe, có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì khác nên Tòa án không xem xét. .

[5] Về xử lý vật chứng: 01 túi xách da có quai đeo bằng vải màu đen có chữ HERMESPARIS của T dùng để chứa con dao Thái Lan không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

[8] Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Tòa án ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên đã nêu, cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xét thấy lời đề nghị của Luật sư là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Văn T 03 năm 06 tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 27/9/2019.

\* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách da có quay đeo bằng vải màu đen có chữ HERMESPARIS (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/5/2020 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố M)

\* Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T;
- VKSND TP.M;
- Chi cục THADS TP.M;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

**Ngô Hoàng Huy**